TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 392/2019/DS-ST
Ngày: 04/10/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Nguyễn Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Linh Chi

2. Ông Đỗ Hữu Cường

- Thư ký phiên toà: Bà Bế Thị Phượng - Thư ký Toà án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên toà: Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại phòng xử án Toà án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 389/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3678/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4494/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S
Địa chỉ: số 2 Đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1984
(Giấy ủy quyền số 1538/2019/UQ-TTT ngày 25/01/2019).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Minh H, sinh năm 1978
Địa chỉ: số 3 đường L, phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có bà Huỳnh Thị N là người đại diện hợp pháp trình bày:*

Ngày 12/10/2009, bà Trần Thị Minh H có ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng (thẻ Visa Ladies First

486265-5285), hạn mức sử dụng 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,15%/tháng.

Ngày 25/9/2012 bà H ký thêm với Ngân hàng hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng (thẻ Family 970403-4498), hạn mức sử dụng 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,50%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 104.189.668 đồng (trong đó thẻ Visa Ladies First 486265-5285 là 81.189.668 đồng; Thẻ Family 970403-4498 là 23.000.000 đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 125.105.000 đồng (trong đó thẻ Visa Ladies First 486265-5285 là 98.858.000 đồng; Thẻ Family 970403-4498 là 26.247.000 đồng). Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau. Cụ thể: Phí trễ hạn là 2.111.562 đồng (trong đó trong đó thẻ Visa Ladies First 486265-5285 là 1.300.048 đồng; Thẻ Family 970403-4498 là 811.514 đồng); Phí thường niên, phí rút tiền mặt và phí tin nhắn là 3.170.000 đồng (trong đó trong đó thẻ Visa Ladies First 486265-5285 là 2.535.000 đồng; Thẻ Family 970403-4498 là 635.000 đồng); Lãi trong hạn là 33.514.983 đồng (trong đó thẻ Visa Ladies First 486265-5285 là 15.384.187 đồng; Thẻ Family 970403-4498 là 18.130.796 đồng); còn lại 86.308.455 đồng được trừ vào số tiền nợ gốc (trong đó trừ nợ gốc thẻ Visa Ladies First 486265-5285 là 79.638.765 đồng; trừ nợ gốc thẻ Family 970403-4498 là 6.669.690 đồng).

Từ ngày 23/11/2015 đến nay bà H không thanh toán cho Ngân hàng nữa. Số tiền còn lại qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/02/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tạm tính đến ngày 04/10/2019, bà H còn nợ các khoản sau:

- Thẻ Visa Ladies First 486265-5285: nợ gốc 1.550.903 đồng, lãi quá hạn 5.231.295 đồng.

- Thẻ Family 970403-4498: nợ gốc 16.330.310 đồng, lãi quá hạn 28.878.910 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Minh H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/10/2009 và ngày 25/9/2012 tạm tính đến ngày 04/10/2019 là 51.991.418 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 17.881.213 đồng (gồm nợ gốc của thẻ Visa Ladies First 486265-5285 là 1.550.903 đồng; Nợ gốc thẻ Family 970403-4498 là 16.330.310 đồng);

- Lãi quá hạn: 34.110.205 đồng (gồm lãi quá hạn của thẻ Visa Ladies First 486265-5285 là 5.231.295 đồng; lãi quá hạn thẻ Family 970403-4498 là 28.818.910 đồng).

Thời hạn thanh toán: trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi quá hạn phát sinh quy định trong hợp đồng đã giao kết tính trên dư nợ gốc từ ngày 05/10/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập; Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn bà Trần Thị Minh H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bà Trần Thị Minh H có ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng) ngày 12/10/2009 và ngày 25/9/2012. Ngân hàng đã cấp 02 thẻ tín dụng cho bà H gồm thẻ Visa Ladies First 486265-5285 và thẻ Family 970403-4498 với hạn mức sử dụng mỗi thẻ là 30.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 23/02/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Bị đơn bà Trần Thị Minh H có hộ khẩu thường trú tại số 3 đường L, phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (theo kết quả xác minh của Công an phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại

khách quan mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc là 17.881.213 đồng (gồm nợ gốc của thẻ Visa Ladies First 486265-5285 là 1.550.903 đồng; Nợ gốc thẻ Family 970403-4498 là 16.330.310 đồng), Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 12/10/2009, bà Trần Thị Minh H có ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng (thẻ Visa Ladies First 486265-5285) cho bà H, hạn mức sử dụng 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,15%/tháng.

Ngày 25/9/2012 bà H ký thêm với Ngân hàng hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Ngân hàng đã cấp 01 thẻ tín dụng (Thẻ Family 970403-4498) cho bà Hồng, hạn mức sử dụng 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,50%/tháng.

Việc giao kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, căn cứ bảng tóm tắt sao kê các giao dịch đã thực hiện qua thẻ tín dụng thể hiện bà H đã thực hiện giao dịch nhiều lần với tổng số tiền 104.189.668 đồng (trong đó thẻ Visa Ladies First 486265-5285 là 81.189.668 đồng; Thẻ Family 970403-4498 là 23.000.000 đồng). Bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 125.105.000 đồng (trong đó thẻ Visa Ladies First 486265-5285 là 98.858.000 đồng; Thẻ Family 970403-4498 là 26.247.000 đồng). Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau. Cụ thể: Phí trễ hạn là 2.111.562 đồng (trong đó trong đó thẻ Visa Ladies First 486265-5285 là 1.300.048 đồng; Thẻ Family 970403-4498 là 811.514 đồng); Phí thường niên, phí rút tiền mặt và phí tin nhắn là 3.170.000 đồng (trong đó trong đó thẻ Visa Ladies First 486265-5285 là 2.535.000 đồng; Thẻ Family 970403-4498 là 635.000 đồng); Lãi trong hạn là 33.514.983 đồng (trong đó thẻ Visa Ladies First 486265-5285 là 15.384.187 đồng; Thẻ Family 970403-4498 là 18.130.796 đồng); còn lại 86.308.455 đồng được trừ vào số tiền nợ gốc (trong đó trừ nợ gốc thẻ Visa Ladies First 486265-5285 là 79.638.765 đồng; trừ nợ gốc thẻ Family 970403-4498 là 6.669.690 đồng).

Từ ngày 23/11/2015 đến nay bà H không thanh toán cho Ngân hàng nữa nên ngày ngày 23/02/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà H. Do đó, số tiền nợ gốc bà H còn nợ Ngân hàng 17.881.213 đồng (gồm nợ gốc của thẻ Visa Ladies First 486265-5285 là 1.550.903 đồng; Nợ gốc thẻ Family 970403-4498 là 16.330.310 đồng). Bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu buộc bà H phải thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu là phù hợp với quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai

bên đã giao kết và quy định tại Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, nên có cơ sở chấp nhận.

Bà H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc của mỗi thẻ như sau:

- Nợ gốc thẻ Visa Ladies First 486265-5285 là 1.550.903 đồng;

- Nợ gốc thẻ Family 970403-4498 là 16.330.310 đồng;

Tổng cộng là 17.881.213 (mười bảy triệu, tám trăm tám mươi mốt nghìn, hai trăm mười ba) đồng

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn tính từ ngày 23/02/2016 đến thời điểm xét xử 04/10/2019 là 34.110.205 đồng (gồm lãi quá hạn của thẻ Visa Ladies First 486265-5285 là 5.231.295 đồng; lãi quá hạn thẻ Family 970403-4498 là 28.818.910 đồng), Hội đồng xét xử nhận định:

- Đối với lãi quá hạn của thẻ Visa: Theo Thông báo số 113/TB-TTT về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Sacombank ngày 04/7/2011 của Ngân hàng thì mức lãi được áp dụng đối với thẻ tín dụng quốc tế Sacombank là 2,15%/tháng kể từ ngày 06/7/2011 đến nay.

- Đối với lãi quá hạn của thẻ Family: Theo Thông báo số 314/TB-TTT về việc thay đổi lãi suất thẻ tín dụng Family ngày 22/5/2012 của Ngân hàng thì mức lãi được áp dụng đối với thẻ tín dụng Family là 2,5%/tháng kể từ ngày 23/5/2012 đến nay.

Theo thỏa thuận quy định trong hợp đồng thì mức lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 150% lãi trong hạn, do đó mức lãi suất nợ quá hạn của thẻ Visa là 3,225%/tháng, mức lãi suất nợ quá hạn của thẻ Family là 3,75%/tháng.

Như vậy, số tiền lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc bà H phải trả từ ngày 23/02/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 04/10/2019 là:

- Lãi quá hạn thẻ Visa Ladies First 486265-5285 là 5.231.295 đồng;

- Lãi quá hạn thẻ Family 970403-4498 là 28.818.910 đồng.

Tổng cộng là 34.110.205 đồng.

Do đó, tổng số tiền gốc và lãi mà bà H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là:

17.881.213 đồng + 34.110.205 đồng = 51.991.418 đồng.

Thời hạn thanh toán: trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng đã giao kết tính trên dư nợ gốc từ ngày 05/10/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.599.571 đồng tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp là 903.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 4 Điều 161 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Trần Thị Minh H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/10/2009 và ngày 25/9/2012 tính đến ngày 04/10/2019 là 51.991.418 (năm mươi mốt triệu, chín trăm chín mươi mốt nghìn, bốn trăm mười tám) đồng, gồm:

- Nợ gốc của thẻ Visa Ladies First 486265-5285 là 1.550.903 đồng, lãi quá hạn là 5.231.295 đồng;

- Nợ gốc của thẻ Family 970403-4498 là 16.330.310 đồng; lãi quá hạn là 28.818.910 đồng.

Thời hạn thanh toán: trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Trần Thị Minh H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng đã giao kết tính trên dư nợ gốc từ ngày 05/10/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.599.571 (hai triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, năm trăm bảy mươi mốt) đồng.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 903.000 (chín trăm lẻ ba nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004142 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Quận M;
- Chi cục THADS quận M;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Đỗ Nguyễn Mai Phương